

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2024 /DS- ST

Ngày: 21 -6-2024

Về việc “Tranh chấp
hợp đồng mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI TỈNH QUẢNG NGÃI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Trần Thị Thanh Bình

Các Hội thẩm:

1. Ông Lê Văn Dũng

2. Ông Nguyễn Đình Dũng

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Nha

Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thương Huyền- Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 6 năm 2024, tại Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2022/TLST-DS ngày 03/11/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2024/QĐXXST - DS ngày 16/4/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 104/2024/QĐST-DS ngày 09/5/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 131/2024/QĐST-DS ngày 07/6/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn G

Địa chỉ: Số A đường N, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn Đăng Q- Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đoàn Đăng Q: Ông Nguyễn Trung T (sinh năm 1971, địa chỉ : Số D đường N, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng) và ông Võ Duy Thuận T1 (sinh năm 1997, địa chỉ: Thôn Đ xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi), theo văn bản ủy quyền ngày 04/11/2022.

2. Bị đơn: Bà Phan Thị Ngọc D, sinh năm 1979

Địa chỉ: Số nhà B đường T, Tổ G, phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi;

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt tại phiên tòa; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Trong năm 2021 Công ty trách nhiệm hữu hạn G có cung cấp vật liệu xây dựng (gạch ốp các loại) cho cửa hàng vật liệu xây dựng H của bà Phan Thị Ngọc D.

Giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn G và bà Phan Thị Ngọc D không lập hợp đồng bằng văn bản mà chỉ lập hợp đồng thỏa thuận bằng lời nói là khi nào bà D cần hàng thì gọi điện thoại trao đổi loại hàng, số lượng hàng và giá cả, Công ty trách nhiệm hữu hạn G sẽ gửi hàng cho bà D, bà D sẽ chuyển khoản thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn G vào cuối mỗi tháng.

Từ tháng 5/2021 đến tháng 7/2021 Công ty trách nhiệm hữu hạn G liên tục cung cấp hàng hóa cho bà Phan Thị Ngọc D, nhưng đến cuối mỗi tháng bà D không thanh toán trả tiền mua hàng cho Công ty trách nhiệm hữu hạn G theo thỏa thuận. Tính đến ngày 31/8/2021 thì bà Phan Thị Ngọc D còn nợ của Công ty trách nhiệm hữu hạn G số tiền là 234.309.789đồng.

Ngày 24/12/2021 giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn G và bà Phan Thị Ngọc D đã đối chiếu và xác nhận công nợ, theo “Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ” thì tính đến ngày 24/12/2021 bà Phan Thị Ngọc D còn nợ của Công ty trách nhiệm hữu hạn G số tiền là 234.309.789đồng.

Sau nhiều lần yêu cầu trả nợ thì từ ngày 31/12/2021 đến ngày 07/5/2024 bà Phan Thị Ngọc D đã chuyển khoản nhiều lần trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn G số tiền là 88.000.000đồng, số tiền hiện bà Phan Thị Ngọc D còn nợ của Công ty trách nhiệm hữu hạn G là 146.309.789đồng.

Vì vậy, nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phan Thị Ngọc D phải trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn G các khoản tiền sau:

- Yêu cầu bà Phan Thị Ngọc D phải thanh toán một lần toàn bộ phần nợ gốc còn lại tính đến thời điểm ngày 07/5/2024 cho Công ty trách nhiệm hữu hạn G số tiền còn nợ là 146.309.789đồng;

- Thanh toán lãi suất chậm thanh toán cho đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm của số tiền nợ 234.309.789đồng tính từ ngày 31/8/2021, được tính theo nợ gốc trừ dần sau mỗi lần bà D chuyển khoản trả nợ, theo mức lãi suất 10%/năm , tương ứng là 0,8333333333%/tháng, hoặc 0,02777777778%/ngày, số tiền lãi tính từ ngày 31/8/2021 đến hết ngày 07/5/2024 là 52.442.530đồng.

Bị đơn là bà Phan Thị Ngọc D không có văn bản trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 91, Điều 92, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 430, Điều 431, Điều 434, Điều 440, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Q1, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn G, buộc bị đơn bà Phan Thị Ngọc D phải trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn G số tiền 183.257.642đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 146.309.789đồng và số tiền nợ lãi là 36.947.853đồng. Không

chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền lãi mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả là 15.494.677đồng. Nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, bị đơn có nơi cư trú tại địa chỉ số nhà B đường T, Tổ G, phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn G đã khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa với bị đơn là Cửa hàng vật liệu xây dựng H, chủ cửa hàng là bà Phan Thị Ngọc D, do đó Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi đã thụ lý vụ án kinh doanh thương mại.

Quá trình Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi thu thập tài liệu, chứng cứ, Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Q đã có văn bản cung cấp thông tin: Trên hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia không có tên doanh nghiệp: Cửa hàng vật liệu xây dựng H. Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố Q cung cấp thông tin: Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố Q không cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh cho bà Phan Thị Ngọc D.

Do đó, ngày 29/5/2023 nguyên đơn đã sửa đổi bổ sung khởi kiện, nguyên đơn khởi kiện bị đơn là bà Phan Thị Ngọc D, ở địa chỉ: Số nhà B đường T, Tổ G, phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi;

Vì vậy, tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, là tranh chấp hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, sau khi thụ lý vụ án mới phát hiện được vụ án thuộc tranh chấp về dân sự, không phải tranh chấp về kinh doanh, thương mại, nên Tòa án vẫn tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung, nhưng ghi số, ký hiệu và trích yếu trong bản án theo đúng hướng dẫn của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[3] Tại phiên tòa ngày 09/5/2024, bà Phan Thị Ngọc D vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa ngày 07/6/2024, bà Phan Thị Ngọc D vắng mặt không có lý do, nguyên đơn có đơn đề nghị hoãn phiên tòa, vì vậy Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa; Tại phiên tòa ngày 21/6/2024, bị đơn bà Phan Thị Ngọc D vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung:

[1] Đối với yêu cầu trả nợ tiền mua bán tài sản:

Nguyên đơn yêu cầu buộc bị đơn là bà Phan Thị Ngọc D phải trả số tiền còn nợ gốc là 146.309.789đồng và tiền lãi do chậm trả nợ, Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn từ chối nhận văn bản tố tụng vì cho rằng việc mua bán không có hợp đồng, mỗi tháng bị đơn vẫn trả nợ 4 đến 5 triệu đồng nên Công ty TNHH G kiện là không đúng (Bút lục 45).

Theo “Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ” thì tính đến ngày 24/12/2021 bà Phan Thị Ngọc D còn nợ của Công ty trách nhiệm hữu hạn G số tiền là 234.309.789đồng, tại thư bà D gửi cho ông Q (Đại diện theo pháp luật của nguyên đơn) vào ngày 06/9/2022 bà D xác nhận số nợ còn lại là 207.309.789đồng. Quá trình Tòa án thụ lý vụ án, bà Phan Thị Ngọc D không có văn bản trình bày ý kiến về số tiền còn nợ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho ý kiến của mình; nguyên đơn thừa nhận là sau khi đối chiếu và xác nhận công nợ thì bị đơn có trả nợ cho nguyên đơn nhiều lần bằng phương thức chuyển khoản, nguyên đơn cung cấp chứng cứ là sao kê tài khoản tiền gửi của ông Đoàn Đăng Q (người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn), theo đó tính đến ngày 21/6/2024 bị đơn chỉ còn nợ của nguyên đơn số tiền mua bán tài sản là 146.309.789đồng.

Như vậy việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Phan Thị Ngọc D phải trả số tiền mua bán tài sản tính đến ngày 21/6/2021 còn nợ 146.309.789đồng là có cơ sở, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn là bà Phan Thị Ngọc D phải trả cho nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn G số tiền mua bán tài sản còn nợ 146.309.789đồng là phù hợp quy định tại Điều 430, Điều 431, 434, 440 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Đối với yêu cầu trả tiền lãi do chậm trả:

[2.1] Nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn G yêu cầu bà D phải trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn G khoản tiền lãi do chậm trả của số tiền 234.309.789đồng bắt đầu tính từ thời điểm ngày 31/8/2021, tiền lãi được giảm dần theo tiền nợ gốc bà D trả hàng tháng cho đến ngày 07/5/2024 là ngày bà D trả nợ gần nhất, theo mức lãi suất 10%/năm, tương ứng 0,8333333333%/tháng hoặc 0,0277777778%/ngày, tổng cộng tiền lãi là 52.442.530đồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy, theo quy định tại khoản 3 Điều 440 của Bộ luật dân sự thì trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự. Vì vậy, do bà D không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền nên nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn G yêu cầu bị đơn phải trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn G khoản tiền lãi của số tiền còn nợ lại theo mức lãi suất 10%/năm là phù hợp quy định tại Điều 357, khoản 3 Điều 440, Điều 468 của Bộ luật dân sự, nên được chấp nhận.

[2.2] Về thời điểm tính lãi :

Tháng 7 năm 2021 nguyên đơn và bị đơn chấm dứt việc mua bán tài sản. Đến ngày 31/8/2021, nguyên đơn và bị đơn đối chiếu công nợ, theo đó

xác định bị đơn còn nợ của nguyên đơn số tiền 234.309.789đồng. Đến ngày 12/4/2022 nguyên đơn có “Thư yêu cầu thanh toán” gửi bị đơn yêu cầu trả nợ, ngày 22/4/2022 nguyên đơn có “Thư yêu cầu thanh toán lần thứ hai” gửi bị đơn yêu cầu trả nợ và ngày 05/5/2022 nguyên đơn có “Thư yêu cầu thanh toán lần thứ ba” gửi bị đơn yêu cầu trả nợ số tiền 224.309.789đồng, thời hạn trả nợ đến ngày 16/5/2022 (bút lục 05), như vậy nguyên đơn đã để cho bị đơn có thời gian trả nợ và ấn định thời hạn trả nợ vào ngày 16/5/2022, nhưng bị đơn không thực hiện việc trả nợ. Do đó, thời điểm tính lãi chậm trả sẽ được bắt đầu từ ngày 17/5/2022.

[2.3] Về số tiền nợ gốc được tính lãi và tiền lãi:

Số tiền nợ gốc theo “Thư yêu cầu thanh toán lần thứ ba” là 224.309.789đồng, lãi suất được tính 10%/năm (365 ngày), tương ứng 0,0274%/ ngày.

- Tiền lãi từ ngày 17/5/2022 đến ngày 03/6/2022 là: $224.309.789\text{đồng} \times 0,0274\%/ \text{ngày} \times 18 \text{ ngày} = 1.106.295\text{đồng}$;

- Ngày 04/6/2022 bà D trả 4.000.000đồng, tiền nợ gốc còn lại: 220.309.789đồng;

T2 lãi từ ngày 04/6/2022 đến ngày 11/7/2022 là: $220.309.789\text{đồng} \times 0,0274\%/ \text{ngày} \times 38 \text{ ngày} = 2.293.865\text{đồng}$;

- Ngày 12/7/2022 bà D trả 4.000.000đồng, tiền nợ gốc còn lại: 216.309.789đồng;

T2 lãi từ ngày 12/7/2022 đến ngày 07/8/2022 là: $216.309.789\text{đồng} \times 0,0274\%/ \text{ngày} \times 27 \text{ ngày} = 1.600.259\text{đồng}$;

- Ngày 08/8/2022 bà D trả 4.000.000đồng, tiền nợ gốc còn lại: 212.309.789đồng;

T2 lãi từ ngày 08/8/2022 đến ngày 04/9/2022 là: $212.309.789\text{đồng} \times 0,0274\%/ \text{ngày} \times 28 \text{ ngày} = 1.628.840\text{đồng}$;

- Ngày 05/9/2022 bà D trả 5.000.000đồng, tiền nợ gốc còn lại: 207.309.789đồng;

T2 lãi từ ngày 05/9/2022 đến ngày 04/10/2022 là: $207.309.789\text{đồng} \times 0,0274\%/ \text{ngày} \times 30 \text{ ngày} = 1.704.086\text{đồng}$;

- Ngày 05/10/2022 bà D trả 4.000.000đồng, tiền nợ gốc còn lại: 203.309.789đồng;

T2 lãi từ ngày 05/10/2022 đến ngày 08/11/2022 là: $203.309.789\text{đồng} \times 0,0274\%/ \text{ngày} \times 35 \text{ ngày} = 1.949.740\text{đồng}$;

- Ngày 09/11/2022 bà D trả 4.000.000đồng, tiền nợ gốc còn lại: 199.309.789đồng;

T2 lãi từ ngày 09/11/2022 đến ngày 14/02/2023 là: $199.309.789\text{đồng} \times 0,0274\%/ \text{ngày} \times 98 \text{ ngày} = 5.351.866\text{đồng}$;

- Ngày 15/02/2023 bà D trả 4.000.000đồng, tiền nợ gốc còn lại: 195.309.789đồng;

T2 lãi từ ngày 15/02/2023 đến ngày 26/3/2023 là: $195.309.789\text{đồng} \times 0,0274\%/ \text{ngày} \times 40 \text{ ngày} = 2.140.595\text{đồng}$;

- Ngày 27/3/2023 bà D trả 3.000.000đồng, tiền nợ gốc còn lại: 192.309.789đồng;

T2 lãi từ ngày 27/3/2023 đến ngày 24/4/2023 là: $192.309.789 \text{đồng} \times 0,0274\% / \text{ngày} \times 29 \text{ ngày} = 1.528.093 \text{đồng}$;

- Ngày 25/4/2023 bà D trả 3.000.000đồng, tiền nợ gốc còn lại: 189.309.789đồng;

T2 lãi từ ngày 25/4/2023 đến ngày 30/5/2023 là: $189.309.789 \text{đồng} \times 0,0274\% / \text{ngày} \times 36 \text{ ngày} = 1.867.351 \text{đồng}$;

- Ngày 01/6/2023 bà D trả 3.000.000đồng, tiền nợ gốc còn lại: 186.309.789đồng;

T2 lãi từ ngày 01/6/2023 đến ngày 13/6/2023 là: $186.309.789 \text{đồng} \times 0,0274\% / \text{ngày} \times 13 \text{ ngày} = 663.635 \text{đồng}$;

- Ngày 14/6/2023 bà D trả 4.000.000đồng, tiền nợ gốc còn lại: 182.309.789đồng;

T2 lãi từ ngày 14/6/2023 đến ngày 18/7/2023 là: $182.309.789 \text{đồng} \times 0,0274\% / \text{ngày} \times 35 \text{ ngày} = 1.748.350 \text{đồng}$;

- Ngày 19/7/2023 bà D trả 4.000.000đồng, tiền nợ gốc còn lại: 178.309.789đồng;

T2 lãi từ ngày 19/7/2023 đến ngày 15/8/2023 là: $178.309.789 \text{đồng} \times 0,0274\% / \text{ngày} \times 28 \text{ ngày} = 1.367.992 \text{đồng}$;

- Ngày 16/8/2023 bà D trả 4.000.000đồng, tiền nợ gốc còn lại: 174.309.789đồng;

T2 lãi từ ngày 16/8/2023 đến ngày 16/9/2023 là: $174.309.789 \text{đồng} \times 0,0274\% / \text{ngày} \times 32 \text{ ngày} = 1.528.348 \text{đồng}$;

- Ngày 17/9/2023 bà D trả 3.000.000đồng, tiền nợ gốc còn lại: 171.309.789đồng;

T2 lãi từ ngày 17/9/2023 đến ngày 30/10/2023 là: $171.309.789 \text{đồng} \times 0,0274\% / \text{ngày} \times 44 \text{ ngày} = 2.065.310 \text{đồng}$;

- Ngày 31/10/2023 bà D trả 3.000.000đồng, tiền nợ gốc còn lại: 168.309.789đồng;

T2 lãi từ ngày 31/10/2023 đến ngày 03/12/2023 là: $168.309.789 \text{đồng} \times 0,0274\% / \text{ngày} \times 34 \text{ ngày} = 1.567.973 \text{đồng}$;

- Ngày 04/12/2023 bà D trả 3.000.000đồng, tiền nợ gốc còn lại: 165.309.789đồng;

T2 lãi từ ngày 04/12/2023 đến ngày 14/12/2023 là: $165.309.789 \text{đồng} \times 0,0274\% / \text{ngày} \times 11 \text{ ngày} = 498.243 \text{đồng}$;

- Ngày 15/12/2023 bà D trả 4.000.000đồng, tiền nợ gốc còn lại: 161.309.789đồng;

T2 lãi từ ngày 15/12/2023 đến ngày 01/02/2024 là: $161.309.789 \text{đồng} \times 0,0274\% / \text{ngày} \times 18 \text{ ngày} = 795.579 \text{đồng}$;

- Ngày 02/02/2024 bà D trả 3.000.000đồng, tiền nợ gốc còn lại: 158.309.789đồng;

T2 lãi từ ngày 02/02/2024 đến ngày 08/3/2024 là: $158.309.789 \text{đồng} \times 0,0274\% / \text{ngày} \times 38 \text{ ngày} = 1.648.321 \text{đồng}$;

- Ngày 09/3/2024 bà D trả 4.000.000đồng, tiền nợ gốc còn lại: 154.309.789đồng;

T2 lãi từ ngày 09/3/2024 đến ngày 18/4/2024 là: 154.309.789đồng x 0,0274%/ngày x 31 ngày = 1.310.707đồng;

- Ngày 19/4/2024 bà D trả 4.000.000đồng, tiền nợ gốc còn lại: 150.309.789đồng;

T2 lãi từ ngày 19/4/2024 đến ngày 06/5/2024 là: 150.309.789đồng x 0,0274%/ngày x 18 ngày = 741.327đồng;

- Ngày 07/5/2024 bà D trả 4.000.000đồng, tiền nợ gốc còn lại: 146.309.789đồng;

T2 lãi từ ngày 07/5/2024 đến ngày 21/6/2024 là: 146.309.789đồng x 0,0274%/ngày x 46 ngày = 1.844.080đồng;

Tổng cộng tiền lãi là: 36.947.853đồng (*Ba mươi sáu triệu chín trăm bốn mươi bảy ngàn tám trăm năm mươi ba đồng*).

[2.4] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi là 52.442.530đồng, số tiền lãi nguyên đơn được chấp nhận là 36.947.853đồng, số tiền nguyên đơn không được chấp nhận là 15.494.677đồng (*Mười lăm triệu bốn trăm chín mươi bốn ngàn sáu trăm bảy mươi bảy đồng*).

[3] Từ những phân tích trên, có đủ căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn tổng cộng 183.257.642đồng (*Một trăm tám mươi ba triệu hai trăm năm mươi bảy ngàn sáu trăm bốn mươi hai đồng*), trong đó số tiền nợ gốc 146.309.789đồng (*Một trăm bốn mươi sáu triệu ba trăm lẻ chín ngàn bảy trăm tám mươi chín đồng*) và số tiền nợ lãi 36.947.853đồng (*Ba mươi sáu triệu chín trăm bốn mươi bảy ngàn tám trăm năm mươi ba đồng*), là phù hợp quy định tại Điều 357, Điều 430, Điều 431, Điều 434, Điều 440, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi về việc giải quyết vụ án là đúng pháp luật.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 183.257.642đồng x 5%= 9.162.882đồng, làm tròn số là 9.163.000đồng;

- Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu không được chấp nhận là 15.494.677đồng x 5%= 774.733đồng, được khấu trừ vào số tiền 5.083.000đồng nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí, hoàn trả lại nguyên đơn số tiền chênh lệch là: 4.308.267đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, Điều 430, Điều 431, Điều 434, Điều 440, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn G, buộc bị đơn bà Phan Thị Ngọc D phải trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn G số tiền 183.257.642đồng (*Một trăm tám mươi ba triệu hai trăm năm mươi bảy ngàn sáu trăm bốn mươi hai đồng*), trong đó số tiền nợ

gốc là 146.309.789đồng (*Một trăm bốn mươi sáu triệu ba trăm lẻ chín ngàn bảy trăm tám mươi chín đồng*) và số tiền nợ lãi là 36.947.853đồng (*Ba mươi sáu triệu chín trăm bốn mươi bảy ngàn tám trăm năm mươi ba đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền lãi mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả là 15.494.677đồng (*Mười lăm triệu bốn trăm chín mươi bốn ngàn sáu trăm bảy mươi bảy đồng*).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Phan Thị Ngọc D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.163.000đồng;
- Công ty trách nhiệm hữu hạn G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu không được chấp nhận là 774.733đồng, được khấu trừ vào số tiền 5.083.000đồng đã nộp tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003761 ngày 01/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, hoàn trả lại Công ty trách nhiệm hữu hạn G số tiền chênh lệch là: 4.308.267đồng.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN**

**Nơi nhận:
TÒA**

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP. Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS TP. Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

Trần Thị Thanh Bình

